TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08/01/2025
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Ông Hà Bửu Khánh

- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Huỳnh Thị Phượng - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 607/2024/TLST - HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2024 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 489/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị P, sinh năm: 1990; địa chỉ: khu phố F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Danh T, sinh năm: 1990; địa chỉ: khu phố F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị bày:

Chị và anh T trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 15/8/2012. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, thường xuyên cự cãi nhau về tiền bạc do bên gia

đình anh T nợ nần, đã nhiều lần cho nhau cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị thấy rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh T; Về con chung: Có 02 con chung tên Danh Ngọc Khánh B1 – sinh ngày 21/7/2012, Danh Phúc K – sinh ngày 01/11/2014, hiện 02 con chung đang ở với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/11/2024 anh Danh T trình bày: Anh thừa nhận việc vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc, nay chị P yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý; Về con chung: Có 02 con chung tên Danh Ngọc Khánh B1 – sinh ngày 21/7/2012, Danh Phúc K – sinh ngày 01/11/2014, hiện 02 cháu đang ở với vợ, anh đồng ý giao con cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Ngô Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn, nuôi con chung" giữa chị và anh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Anh T đã nhận được các thủ tục tố tụng Tòa án tống đạt và có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của anh T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với Danh T.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị Ngô Thị P và anh Danh T trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 15/8/2012 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, đã rất nhiều lần cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, anh chị sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, giữa chị P và anh T không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị P thấy rằng mâu thuẫn giữa chị và anh T không thể tiếp tục chung sống được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Đối với anh T, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về việc chị P xin ly hôn, anh T có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về vấn đề hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị P. Xét thấy hôn nhân của

chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho chị Ngô Thị P được ly hôn với anh Danh T.

{2.2} Về con chung: Anh chị xác định có 02 con chung tên Danh Ngọc Khánh B1 – sinh ngày 21/7/2012, Danh Phúc K – sinh ngày 01/11/2014, hiện nay các cháu đang được chị P nuôi dưỡng đảm bảo về mặt thể chất, lẫn tinh thần. Chị P kinh doanh buôn bán nên thu nhập cũng ổn định, đảm bảo cho việc nuôi con. Tại văn bản trình bày ý kiến của anh T, anh cũng đồng ý giao 02 cháu cho chị P nuôi dưỡng. Mặt khác, tại bản tự khai 02 cháu cũng có ý kiến cha mẹ ly hôn các cháu yêu cầu được sống chung với mẹ, việc tự nguyện trên của các cháu không bị ép buộc. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Xử giao cháu B1 và cháu K cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

{2.3} Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Ngô Thị P phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008942 ngày 14/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị P đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Ngô Thị P được ly hôn với anh Danh T.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Ngọc Khánh B1 – sinh ngày 21/7/2012, Danh Phúc K – sinh ngày 01/11/2014 cho chị Ngô Thị P trực tiếp nuôi dưỡng

đến khi trưởng thành, chị P không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Ngô Thị P phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008942 ngày 14/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị P đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; Chị P được tính kể từ ngày tuyên án (08/01/2025); anh T được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp